

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc ban hành Quy chế hoạt động  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Nhiệm kỳ 2021 - 2026



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHOÁ XVIII KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 319/TTr-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 8 năm 2021. /.

*Nơi nhận:* 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
  - Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - Đại biểu HĐND tỉnh;
  - Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
  - Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
  - HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
  - Trung tâm Công báo tỉnh;
  - Website: <http://dbndnghean.vn>;
  - Lưu: VT.
- 

**CHỦ TỊCH**



**Thái Thanh Quý**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**  
**KHÓA XVIII, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; mối quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức thành viên; những điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; và tập trung, dân chủ.
2. Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015; các quy định khác có liên quan và những Quy chế này. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành văn bản và sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## Chương II

### NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

#### Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri bầu, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

#### Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật

a) Ban hành nghị quyết về những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Quyết định biện pháp: Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân;

c) Quyết định biện pháp: Để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp; phân cấp cho chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã, cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn;

d) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện;

đ) Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn, giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân; phê chuẩn nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện về việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Xây dựng chính quyền

a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh;

b) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu;

c) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và chấp nhận cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu;

d) Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Quyết định: Số lượng biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh; số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh;

e) Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, xóm, bản, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, xóm, bản, tổ dân phố, đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương.

### 3. Lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường

a) Quyết định: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;

b) Quyết định: Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp nhà nước; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách địa phương; chủ trương đầu tư, chương trình dự án;

c) Quyết định: Các nội dung liên quan đến phí, lệ phí; các khoản đóng góp của Nhân dân; vay các nguồn vốn trong nước thông qua phát hành trái phiếu địa phương, trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật và sử dụng ngân sách địa phương để cân đối trả nợ khoản vay;

d) Quyết định chủ trương, biện pháp khuyến khích, huy động các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh;

đ) Quyết định các biện pháp khác để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

e) Quyết định: Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; liên kết kinh tế vùng giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương và bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân;

g) Quyết định quy hoạch phát triển hệ thống tổ chức khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch, mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh;

h) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh trước khi trình Chính phủ phê duyệt; quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ môi trường trong phạm vi được phân quyền.

4. Lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao

a) Quyết định: Biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục, đào tạo; giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh;

c) Quyết định các biện pháp: Phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương; bảo đảm cho hoạt động văn hóa, thông tin, quảng cáo, báo chí, xuất bản, thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh.

#### 5. Lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội:

a) Quyết định biện pháp phát triển hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tuyến tỉnh, tuyến huyện, tuyến xã;

b) Quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Quyết định các biện pháp: Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc người mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và người có hoàn cảnh khó khăn khác; phòng, chống dịch bệnh; thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh;

d) Quyết định các biện pháp: Quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực ở địa phương; tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

đ) Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương;

e) Quyết định các biện pháp: Thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, biện pháp xóa đói, giảm nghèo.

#### 6. Công tác dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tăng cường đoàn kết toàn dân và tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc ở địa phương;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách tôn giáo trong phạm vi được phân quyền; bảo đảm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

7. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật khác, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh;

b) Quyết định chủ trương, biện pháp nhằm phát huy tiềm năng của địa phương để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc đáp ứng yêu cầu thời bình và thời chiến;

c) Quyết định chủ trương, biện pháp: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an xã; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, chuyển hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương từ thời bình sang thời chiến;

d) Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

8. Giám sát: Việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

### **Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015; các quy định khác có liên quan và Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, hai Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chung:

a) Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước khác trên địa bàn tỉnh thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương;

d) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân; đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh;

e) Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và cho thôi làm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;

g) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu;

h) Quyết định đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ;

k) Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An; mỗi năm hai lần thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn chuẩn bị, triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, công bố dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp;

d) Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và trả lời chất vấn giữa hai kỳ họp;

đ) Bảo đảm việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

e) Đôn đốc các cơ quan, tổ chức có liên quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Nhà nước thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thi hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Khi phát hiện có sai phạm trong thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có liên quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể trình kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc triệu tập phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để xem xét, quyết định;

d) Xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trước kỳ họp thường lệ hoặc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp để nghe báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp;

b) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số công việc khác;

c) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; điều hòa, phối hợp, đôn đốc chương trình hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Tham dự cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Chủ trì các cuộc họp giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết;

e) Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh ở địa phương.

### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác và công dân trên địa bàn tỉnh.

2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 8. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt thì uỷ quyền cho một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đại diện Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về những nội dung có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

### **Điều 9. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng các quy định, thủ tục tiếp công dân; tổ chức, sắp xếp lịch để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân (kể cả tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử); bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để công dân.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí lịch trực tiếp tiếp công dân hàng tháng hoặc uỷ nhiệm cho các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân, nhưng Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh cần bố trí ít nhất 01 ngày/1 quý để trực tiếp tiếp công dân.

### **Điều 10. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện**

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri.

2. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan nghiên

cứu, giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh những ý kiến, kiến nghị và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức hội nghị làm việc với Thường trực Hội đồng nhân dân các cụm huyện, thành phố, thị xã.

## **Chương IV**

### **CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 11. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh; kiểm tra, giám sát, kiến nghị về những nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 04 Ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Dân tộc.

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm có Trưởng Ban chuyên trách, 01 Phó Trưởng Ban chuyên trách và 07 Ủy viên kiêm nhiệm.

3. Thành viên các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

#### **Điều 12. Các lĩnh vực phụ trách của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Ban Pháp chế chịu trách nhiệm về thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính.

2. Ban Văn hóa - Xã hội chịu trách nhiệm về giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo.

3. Ban Kinh tế - Ngân sách chịu trách nhiệm về kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, điện, xây dựng, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường.

4. Ban Dân tộc chịu trách nhiệm về công tác dân tộc.

**Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trong lĩnh vực phụ trách.

3. Giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

4. Khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực phụ trách.

5. Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả hoạt động giám sát.

6. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 14. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác, trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp công tác với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi được yêu cầu.

**Điều 15. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan có liên quan cung cấp tài liệu, trình bày nội dung mà Ban thẩm tra; lấy ý kiến chuyên gia; khảo sát tình hình địa phương về những nội dung liên quan.

2. Trình tự thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày tóm tắt nội dung trình;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan phát biểu ý kiến;

c) Các thành viên của Ban thảo luận, nêu những nội dung cơ quan trình dự thảo cần giải trình, tiếp thu;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án giải trình, tiếp thu;

đ) Chủ tọa thông qua dự thảo báo cáo thẩm tra và kết luận.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu quan điểm, đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

### **Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh**

#### 1. Trưởng Ban

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban khác của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân tỉnh, với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách khi được Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan mời;

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban;

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### 2. Phó Trưởng Ban

a) Giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; điều hành công việc của Ban khi được Trưởng Ban ủy quyền;

b) Ký các văn bản của Ban và tổ chức hoạt động của Ban khi Trưởng Ban phân công;

c) Chủ động giải quyết công việc của Ban trong phạm vi thẩm quyền được phân công; định kỳ báo cáo Trưởng Ban.

### **Điều 17. Xây dựng và thực hiện chương trình công tác hàng năm**

1. Căn cứ chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động xây dựng chương trình công tác hàng năm.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên. Thành viên của Ban tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng Ban.

## **Chương V**

### **ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 18. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ, chấp hành nội quy các kỳ họp, phiên họp, phiên thảo luận của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; dự cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là uỷ viên.

3. Hằng năm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu.

#### **Điều 19. Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử trên cùng địa bàn của một đơn vị hành chính cấp huyện hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII, Nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 21 Tổ đại biểu/21 huyện, Thành phố Vinh, thị xã; mỗi Tổ đại biểu có 01 Tổ trưởng và 01 Tổ phó. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; theo dõi, tổng hợp, đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của đại biểu trong Tổ. Tổ phó giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến đơn vị hành chính cấp huyện khác trong tỉnh có thể chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại địa bàn đó. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đơn chuyển sinh hoạt Tổ để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, thông báo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nơi đi và nơi đến.

#### **Điều 20. Giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc giám sát các nội dung được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, góp ý vào nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất 01 quý 01 lần để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp công dân, nghiên cứu pháp luật, chính sách của nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì đại biểu phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu. Các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được ghi thành biên bản và gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn bầu cử để thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 21. Trách nhiệm tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và biểu quyết các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự kỳ họp, phiên họp thì có lý do và báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi họp. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt tại các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do.

**Điều 22. Quyền chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. Người trả lời chất vấn phải trả lời những nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn.

2. Trong kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, người trả lời chất vấn phải trả lời tại kỳ họp đó. Hội đồng nhân dân tỉnh có thể quyết định cho trả lời chất vấn những nội dung cần điều tra, xác minh tại kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trả lời bằng văn bản gửi đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến người trả lời chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

### **Điều 23. Quyền kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến nghị về những nội dung mà đại biểu thấy cần thiết.

2. Kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị gửi bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp, xử lý, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc khi cần thiết.

3. Khi có từ một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Số lượng kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này là tổng số kiến nghị mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp nhận được trong khoảng thời gian từ ngày khai mạc kỳ họp này đến trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo hoặc đến trước ngày Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp về nội dung có liên quan mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp kín.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

### **Điều 24. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật**

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức giải quyết và thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bằng văn bản. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

**Điều 25. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong yêu cầu cung cấp thông tin**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp những thông tin mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Quyền miễn trừ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Cơ quan chức năng không cơ quyền bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi chưa có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân tỉnh trong kỳ họp hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp.

2. Cơ quan tạm giữ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phạm tội quả tang phải kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 27. Thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không còn công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu thì xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tham khảo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định chuyển công tác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cán bộ, công chức nhà nước ra ngoài địa bàn tỉnh Nghệ An. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và thông báo với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, cử tri nơi bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị khởi tố bị can.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự có hiệu lực pháp luật.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 28. Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cử tri tiến hành bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, không được Nhân dân tín nhiệm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi có đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An.

3. Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết, tán thành.

4. Cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành trình tự theo quy định của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

## **Chương VI**

### **KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 29. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh họp mỗi năm ít nhất hai kỳ.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh họp công khai. Hội đồng nhân dân tỉnh họp kín khi cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 30. Triệu tập và thông báo kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập và gửi dự kiến chương trình kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc.

2. Chậm nhất là 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì họp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, các phó Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan để dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp.

3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước có liên quan để nghiên cứu trả lời, giải trình.

5. Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp, báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các tài liệu khác.

6. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ hoặc 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo thời gian, địa điểm và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

7. Chương trình kỳ họp do Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi khai mạc kỳ họp theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 31. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi giấy mời và tài liệu kỳ họp tới đại biểu Quốc hội Khoá XV được bầu tại Nghệ An, đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách. Khách mời kỳ họp được phát biểu ý kiến về nội dung thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách khi chủ tọa yêu cầu.

3. Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, các tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận về các nội dung có liên quan.

4. Đại diện các đơn vị trong lực lượng vũ trang, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức quốc tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 32. Nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn; nghe Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, thông báo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát; nghe Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; xem xét báo cáo hoạt động của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo công tác của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; xem xét việc trả lời chất vấn.

2. Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài các báo cáo như kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ công tác.

### **Điều 33. Trình tự phát biểu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp toàn thể**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký phát biểu; chủ tọa mời từng đại biểu phát biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu tập trung vào nội dung thảo luận, không phát biểu quá 02 lần về cùng một nội dung; thời gian phát biểu không quá 10 phút; nếu thảo luận thêm, thời gian và số lần phát biểu do chủ tọa kỳ họp quyết định.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký nhưng chưa được phát biểu hoặc phát biểu chưa hết ý kiến ghi lại ý kiến gửi cho Tổ thư ký kỳ họp.

### **Điều 34. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Tại phiên họp toàn thể, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khác.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định một trong hai hình thức biểu quyết: Biểu quyết công khai; hoặc bỏ phiếu kín.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành; nghị quyết bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành.

4. Khi cần biểu quyết lại những nội dung đã được Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua, chủ tọa kỳ họp yêu cầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

### **Điều 35. Nhiệm vụ của thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.

4. Giúp chủ tọa kỳ họp điều hành thảo luận, biểu quyết.

5. Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan có liên quan chính lý dự thảo nghị quyết và các văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

### **Điều 36. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo thẩm tra.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, chủ tọa có thể nêu những nội dung còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; hoặc khi cần thiết, yêu cầu các cơ quan có liên quan báo cáo, giải trình những nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo bằng hai cách: Biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ; hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

### **Điều 37. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa kỳ họp ký tên.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện; đăng công báo của tỉnh, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định.

## **Chương VII**

### **ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ TIẾP CÔNG DÂN**

#### **MỤC 1**

#### **ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIẾP XÚC CỬ TRI**

##### **Điều 38. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; có trách nhiệm tiếp xúc, tiếp thu, phản ánh trung thực, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; ít nhất mỗi năm một lần báo cáo cử tri kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và của Hội đồng nhân dân tỉnh.

##### **Điều 39. Tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp**

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri.

Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri.

3. Mỗi năm 01 lần vào cuối năm, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo cử tri kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm. Cử tri có thể thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoặc trực tiếp trình bày ý kiến nhận xét hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại hội nghị tiếp xúc cử tri.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể thông qua Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, Thường trực Hội đồng nhân dân

tỉnh hoặc người đứng đầu địa phương, cơ quan đơn vị để được hỗ trợ tổ chức tiếp xúc cử tri tại nơi cư trú, nơi làm việc.

#### **Điều 40. Kế hoạch tiếp xúc cử tri**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và các cơ quan đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

#### **Điều 41. Nội dung, trình tự tại Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tiếp xúc cử tri hoặc đại diện Ban chấp hành Công đoàn nếu là cơ quan, chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, chương trình nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo: Chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc trước kỳ họp; kết quả kỳ họp, phổ biến, giải thích, vận động nhân dân thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và kết quả giải quyết ý kiến kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức liên quan phát biểu trả lời những vấn đề cử tri nêu lên thuộc thẩm quyền.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

6. Kết thúc hội nghị tiếp xúc cử tri.

#### **Điều 42. Phân loại ý kiến, kiến nghị cử tri**

1. Trong vòng 05 ngày sau tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tiếp xúc cử tri, nếu ở cấp xã thì phối hợp với Ban công tác Mặt trận nơi đại biểu được mời chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:

a) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương, các cơ quan cấp tỉnh gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An;

b) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp huyện, cấp xã gửi các cơ quan này để giải quyết, trả lời; đồng thời gửi Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp xã.

## MỤC 2

### **ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIẾP CÔNG DÂN**

#### **Điều 43. Trách nhiệm tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân.

2. Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phân công đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân tại nơi thực hiện nhiệm vụ đại biểu báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh công tác tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân, nhận đơn, chuyển đơn, đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công dân.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân để tiếp thu ý kiến, kiến nghị của công dân, giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, nhận đơn thư của công dân chuyển tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết, trả lời.

#### **Điều 44. Tổng hợp, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, kịp thời chuyển đến kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đến tổ chức, cá nhân liên quan và thông báo cho công dân biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết, trả lời. Tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết, thông báo kết quả cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thời hạn.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trái pháp luật có quyền gặp người đứng đầu tổ chức, cá nhân có liên quan tìm hiểu, yêu cầu xem xét, giải quyết lại.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

## **Chương VIII**

### **GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN, TỔ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **MỤC I**

#### **GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

##### **Điều 45. Giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 50 của Quy chế này.

2. Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

6. Giám sát những nội dung cụ thể khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của các đoàn giám sát.

##### **Điều 46. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, cử tri gửi ý kiến, kiến nghị giám sát, nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát gửi Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm sau trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ giữa năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày dự kiến chương trình giám sát;
- b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- c) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp quy định tại Điều 53 của Quy chế này.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 47. Xem xét báo cáo**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét các báo cáo

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

b) Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về: Kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của tỉnh; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri;

d) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

đ) Các báo cáo theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thời điểm xem xét các báo cáo

a) Tại kỳ họp thường lệ hàng năm: Xem xét các báo cáo theo quy định tại Điểm a và c, Khoản 1 Điều này;

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ: Xem xét các báo cáo theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này;

c) Thời điểm xem xét các báo cáo theo quy định tại Điểm d và đ, Khoản 1 Điều này thực hiện theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét các báo cáo theo trình tự sau đây:

- a) Người đứng đầu cơ quan báo cáo trình bày;
- b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Người đứng đầu cơ quan báo cáo có bổ sung những nội dung có liên quan mà Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm;
- d) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ban hành nghị quyết về công tác của cơ quan báo cáo gồm những nội dung cơ bản sau đây:

- a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, tồn tại; trách nhiệm của cơ quan báo cáo và người đứng đầu;
- b) Thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết giám sát.

**Điều 48. Chất vấn, xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nội dung chất vấn, người trả lời chất vấn gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề và người trả lời chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;
- b) Người trả lời chất vấn trả lời trực tiếp, đầy đủ nội dung chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;
- c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại;
- d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên chất vấn về những nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thời gian chất vấn, trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm nội dung chất vấn tại kỳ họp;
- b) Nội dung chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm nội dung chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp bằng văn bản gửi người chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Người chất vấn không đồng ý với nội dung trả lời có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người trả lời chất vấn.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ban hành nghị quyết chất vấn gồm gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Đánh giá những kết quả, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân hạn chế tồn tại trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn.
- b) Thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết chất vấn.

6. Phiên họp chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ khi do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khác.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, người trả lời chất vấn gửi báo cáo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chất vấn, các nội dung đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 49. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định theo Khoản 1 Điều này như sau:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày;
- b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

c) Người đứng đầu cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những nội dung liên quan;

d) Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị xem xét văn bản.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; nếu trái, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản.

#### **Điều 50. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết thành lập đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần đoàn giám sát và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc 1 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Xây dựng đề cương báo cáo giám sát;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày thành lập đoàn giám sát; thông báo chương trình, thành phần đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn bắt đầu làm việc với tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, xin ý kiến chuyên gia về nội dung mà đoàn giám sát thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đoàn giám sát có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm;

g) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, sau đó báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;
- b) Đại diện tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;
- c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những nội dung liên quan;

d) Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết giám sát gồm những nội dung cơ bản sau đây:

- Đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu tổ chức có liên quan;

- Thời gian khắc phục hạn chế, tồn tại;
- Trách nhiệm thi hành của tổ chức, cá nhân;
- Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

4. Nghị quyết giám sát được gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 51. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện lấy phiếu tín nhiệm theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm;
- b) Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

3. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

4. Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội.

#### **Điều 52. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Khi có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An;

c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm;

b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm trình bày ý kiến;

c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

d) Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

4. Trình tự bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

#### **Điều 53. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét kết quả giám sát**

1. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Ban hành nghị quyết chất vấn.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

4. Giải tán hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân.

## MỤC II

### GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

#### **Điều 54. Giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Xem xét trả lời chất vấn theo quy định tại Khoản 2, Điều 45 của Quy chế này.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

7. Giám sát việc thực hiện kết luận chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 55. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và ý kiến, kiến nghị của cử tri để quyết định chương trình giám sát hàng năm.

Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đề nghị giám sát, nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chương trình giám sát hàng năm chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của Hội đồng nhân dân tỉnh và theo trình tự sau đây:

- a) Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trình dự kiến chương trình giám sát;
- b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình giám sát.

3. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung trong chương trình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chương trình giám sát hàng năm vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

**Điều 56. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An.

2. Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp.

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị;
- b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình;
- đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- e) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khi cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu.

**Điều 57. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nội dung, người trả lời chất vấn gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ vào chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm nội dung, người trả lời và thời gian chất vấn.

2. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ nội dung chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung thuộc trách nhiệm được phân công.

Thời gian chất vấn, trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm nội dung chất vấn tại phiên họp;
- b) Nội dung chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm nội dung chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người trả lời chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản, gửi người chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người trả lời chất vấn.

#### **Điều 58. Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập đoàn giám sát chuyên đề, xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần đoàn giám sát và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm trưởng đoàn, các thành viên khác gồm đại diện của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng đề cương báo cáo;
- b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quyết định thành lập đoàn giám sát; thông báo chương trình, thành phần đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn làm việc với tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;
- c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;
- d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, lấy ý kiến chuyên gia về nội dung mà đoàn giám sát thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đoàn giám sát có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm;

g) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động giám sát giữa hai kỳ họp.

### **Điều 59. Báo cáo kết quả giám sát của đoàn giám sát**

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- b) Đại diện tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những nội dung có liên quan;

- d) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi kết quả tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải quyết kiến nghị giám sát.

4. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo giám sát tại kỳ họp gần nhất.

### **Điều 60. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào chương trình giám sát, yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình, các cá nhân có liên quan giải trình những nội dung Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nội dung, kế hoạch và người được yêu cầu giải trình. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ chức, cá nhân

nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự, phát biểu tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ khi được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khác.

4. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tọa nêu nội dung và cá nhân có trách nhiệm giải trình;
- b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu yêu cầu giải trình;
- c) Người giải trình có trách nhiệm giải trình nội dung được yêu cầu;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên giải trình phát biểu;
- đ) Chủ tọa tóm tắt nội dung phiên giải trình, dự kiến kết luận nội dung giải trình.
- e) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua kết luận nội dung giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, người được yêu cầu giải trình và tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 61. Giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của tổ

chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

**Điều 62. Giám sát giải quyết kiến nghị của cử tri**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát giải quyết kiến nghị cử tri, báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày báo cáo;
- b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị cử tri và dự thảo nghị quyết giải quyết kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 63. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát**

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;

2. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch giám sát, tránh trùng lặp;

3. Phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

4. Tổ chức họp định kỳ hàng quý với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để phối hợp hoạt động giám sát, đánh giá kết quả giám sát;

5. Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giám sát.

### MỤC III

#### GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

##### **Điều 64. Giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thẩm tra các báo cáo của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện.
3. Giám sát chuyên đề.
4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.
5. Giám sát việc thực hiện kết luận sau giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

##### **Điều 65. Chương trình giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để xây dựng chương trình giám sát hàng năm.
2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chương trình giám sát hàng năm vào cuối năm trước. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chương trình giám sát; điều chỉnh chương trình giám sát khi cần thiết.

##### **Điều 66. Thẩm tra báo cáo**

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp thẩm tra báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 của Quy chế này theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Thẩm tra báo cáo được tiến hành theo trình tự sau đây:
  - a) Người đứng đầu cơ quan báo cáo trình bày;
  - b) Đại diện cơ quan, tổ chức dự họp phát biểu;
  - c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
  - d) Người đứng đầu cơ quan báo cáo giải trình, tiếp thu;
  - đ) Chủ tọa phiên họp dự kiến kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết khi xét thấy cần thiết.
3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo thẩm tra cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 67. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan ban hành văn bản phải thông báo cho các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 68. Giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào chương trình giám sát hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tổ chức đoàn giám sát chuyên đề.

Quyết định thành lập đoàn giám sát phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần đoàn giám sát và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh làm trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia hoạt động đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quyết định thành lập đoàn giám sát; thông báo chương trình, thành phần đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc với tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình nội dung mà đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, lấy ý kiến chuyên gia về nội dung mà đoàn giám sát thấy cần thiết;

e) Đoàn giám sát khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm;

g) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đoàn giám sát Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giám sát.

### **Điều 69. Xem xét báo cáo của đoàn giám sát**

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận báo cáo giám sát theo trình tự sau đây:

a) Trưởng đoàn giám sát trình bày báo cáo;

b) Đại diện tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến;

c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

2. Báo cáo giám sát phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi báo cáo giám sát cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

4. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải quyết kiến nghị giám sát.

### **Điều 70. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân**

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm

của tổ chức, cá nhân vi phạm; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

#### MỤC IV

### GIÁM SÁT CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

#### **Điều 71. Giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào chương trình giám sát hoặc phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, chủ động giám sát theo thẩm quyền, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch và thành phần tham gia giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 72. Giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Chất vấn theo quy định tại Khoản 2, Điều 45 của Quy chế này;
2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện;
3. Giám sát việc thi hành pháp luật;
4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

#### **Điều 73. Chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chất vấn bằng văn bản.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn.

3. Trình tự, thủ tục chất vấn thực hiện theo quy định tại các Điều 51 và 60 của Quy chế này.

#### **Điều 74. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, có quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 75. Giám sát việc thi hành pháp luật**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật tại nơi ứng cử.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu giám sát;

b) Mời đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giải quyết thì yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết;

c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 76. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, chuyển khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân đến tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giải quyết; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền

yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết hoặc người đứng đầu tổ chức cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết, để giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

## **Chương IX**

### **QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH**

#### **Điều 77. Hình thức phối hợp**

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh phối hợp trong xây dựng pháp luật và nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát và các hoạt động khác có liên quan.

Quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh là quan hệ phối hợp, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An.

#### **Điều 78. Nội dung phối hợp**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia hoặc cử đại diện tham gia hội nghị lấy ý kiến xây dựng pháp luật, gửi văn bản tham gia ý kiến xây dựng pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh các báo cáo, dự thảo nghị quyết của kỳ họp để góp ý; mời Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh dự các hội nghị thẩm tra nội dung của kỳ họp.
3. Khi phối hợp tiếp xúc cử tri, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất địa điểm, thời gian, thành phần tham dự để tổ chức thực hiện; kịp thời thông báo, phối hợp giải quyết khi có sự thay đổi.
4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh tham gia xây dựng chương trình giám sát hàng năm để tránh trùng lặp về nội dung, thời gian, địa điểm giám sát.
5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh và các phiên họp thường kỳ hàng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
6. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh báo cáo kết quả các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả kỳ họp Quốc hội và các văn bản pháp luật được kỳ họp thông qua.

## Chương X

### QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

#### Điều 79. Hình thức phối hợp

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, xây dựng chính sách, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp; giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh; triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### Điều 80. Nội dung phối hợp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự các cuộc họp bàn về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; mời đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về những nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh dự các cuộc họp thường kỳ hàng tháng và các cuộc họp khác khi cần thiết; mời thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh dự các cuộc họp thường kỳ hàng tháng, các cuộc họp khác bàn về những nội dung liên quan.

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh dự các cuộc họp bàn về những nội dung liên quan.

#### Điều 81. Phối hợp cung cấp thông tin

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị.

## Chương XI

### QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH NGHỆ AN VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN

## **Điều 82. Hình thức phối hợp**

1. Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức thành viên là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Mỗi năm 2 lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản về tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, những kiến nghị, đề xuất gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An.

Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An dự các kỳ họp thường lệ, thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An tham gia xây dựng chính quyền, ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; những đề xuất, kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An.

## **Điều 83. Nội dung phối hợp**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức thành viên theo dõi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ đại biểu.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức thành viên thường xuyên giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, các tổ chức thành viên tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng ở địa phương.

## Chương XII

### ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

#### **Điều 84. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp để quyết định kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương.

#### **Điều 85. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được thành lập theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, có chức năng tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

#### **Điều 86. Chế độ khen thưởng, kỷ luật**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại hoạt động của Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh định kỳ hàng năm và cả nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Công tác thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

## Chương XIII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 87. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh,

các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và bổ sung, sửa đổi Quy chế khi cần thiết./

**CHỦ TỊCH**



**Thái Thanh Quý**

